

1

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Anh Võ Đình Đ, sinh năm 1991; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Anh Võ Đình Ph, sinh năm 1994; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Ông Võ Văn H3, sinh năm 1975; có mặt.
- + Anh Võ Văn Đ1, sinh năm 2000; vắng mặt.
- + Cháu Võ Thị Diễm Q1, sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q1: Ông Võ Văn H3; có mặt.

- + Bà Phan Thị Đ2, sinh năm 1954; vắng mặt.
- + Ông Võ Thanh L2, sinh năm 1979; vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1979; vắng mặt.
- + Cháu Võ Thị Thúy K, sinh năm 2006.
- + Cháu Võ Đức A1, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp của cháu K và cháu A1: Ông Võ Thanh L2 và bà Nguyễn Thị V; vắng mặt.

- + Chị Võ Thị Kim Ng, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Võ Đình L và bà Võ Thị T trình bày:

Ông nội của ông Võ Đình L tên là Võ N1 sinh hạ được 3 người con gồm Võ L1 (cha của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T), Võ Nh, Võ M. Sinh thời, ông Võ N1 đã phân thờ cho 3 người con, mỗi người một đám đất để làm nhà riêng. Vì cha ông L là con trai cả nên được ông nội Võ N1 giao đám đất có ngôi nhà đã xây cất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 xã B. Thời điểm đó cha ông với mẹ lớn (Đoàn Thị Kiều) không có con trai nên ông Võ N1 cho ông Võ M được cất nhà trên một phần thửa đất này (chỉ có nền nhà ở, còn diện tích bên ngoài thì cha ông L là người sử dụng) nhằm trông coi con nhỏ cho ông Võ M đi buôn, ông M có 02 con trai là ông Võ P2 và ông Võ N2. Trước năm 1975, ông Võ P2 (con ông M) đi Cảnh sát áo trắng cho chế độ cũ, đã dùng quyền uy buộc cha ông L phải để một phần thửa đất này cho ông M làm nhà dưới. Năm 1975 ông Võ M dỡ dọn trả lại phần đất cho cha ông L (riêng đất ông Võ M được hưởng đã cho con trai Võ N2 làm nhà ở). Năm 1998 ông Võ N2 cưới vợ cho con trai Võ Văn H3, có xin ông L con đường để đi tạm qua thửa đất này, nhưng việc xin đường đi này không có giấy tờ gì. Quá trình ở, ông Võ M có ý đồ tham lam muốn lấy luôn phần đất phía Tây với mục đích đất này giáp đất ông Võ M được chia. Năm 2000 ông Võ M phát sinh đơn tranh chấp diện tích đất 114m² phía sau nhà tại thửa số 77, tờ bản đồ số 12 xã B (đất này thuộc quyền sử dụng của cha ông L từ lâu nay) đến UBND huyện B1. UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 đã công nhận diện tích 114m²

và đường đi thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông L. Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 của UBND huyện B1 là đúng pháp luật.

Ngày 15/4/2003 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 947/QĐ-CT công nhận cho bà Nguyễn Thị U (vợ ông Võ M) được quyền sử dụng diện tích 66m² tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 xã B; đồng thời tự ý đưa ông Võ N2 vào đối tượng được hưởng quyền lợi, công nhận lối đi cho ông Võ N2 trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của cha mẹ ông L, trong khi ông N2 không có giấy tờ gì chứng minh gia đình ông L đồng ý cho gia đình ông N2 sử dụng đất để làm lối đi. Sau đó Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 điều chỉnh khoản 2 Điều 2 Quyết định số 947/QĐ-CT.

Nhiều lần UBND huyện B1 kết hợp với UBND xã B tổ chức thực hiện 02 quyết định nêu trên nhưng không thực hiện được vì không có cơ sở thực tế, không đủ diện tích đất để giao cho ông Võ N2. Đến ngày 08/4/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 493/QĐ-UBND xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình ông L vì diện tích ngoài phần đất và nhà ở của ông Võ M, bà Nguyễn Thị U là đất của cha ông L sử dụng từ xưa đến nay. Gia đình ông L chỉ cho đi tạm để cưới vợ cho ông Võ Văn H3, nay ông L không thống nhất là lối đi chung vì trước kia ông Võ N2 có lối đi khác. Nếu ông N2 cần lối đi phải có sự thỏa thuận của ông L. Tại phiên tòa, ông Võ Đình L rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 của UBND huyện B1; đồng thời sau khi nghe Chủ tọa phiên tòa giải thích quy định tại Điều 2 Quyết định số 493/QĐ-UBND đối với Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 493/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành, thì người khởi kiện đã rút yêu cầu hủy đối với Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Nay người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Nguyên nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Võ N1, thực tế khi còn sống đã cho các con là Võ L1, Võ M làm nhà ở và sử dụng vào mục đích khác nhưng không có giấy tờ về chuyển quyền sử dụng cũng như sau khi chết không có di chúc để lại; quá trình sử dụng đất không phân chia ranh giới, kê khai đăng ký chung. Do vậy, khi giải quyết phải xem xét quá trình diễn biến sử dụng đất của các bên và

hiện trạng sử dụng đã ổn định. Trên cơ sở đó Chủ tịch UBND tỉnh đã công nhận 114m² thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Võ Thị Thanh. Về cơ sở để công nhận đường đi chung tại Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019: Đất đường đi có nguồn gốc là một phần thửa đất tranh chấp, được hình thành trước khi xảy ra tranh chấp đất và được gia đình ông Võ Đình L thống nhất cho mở đường đi vào năm 1998 (ông L trình bày tại Biên bản làm việc ngày 03/9/2002 với Sở Địa chính). Hiện trạng đường đi còn được thể hiện qua các tài liệu: Sơ đồ đất tranh chấp giữa ông Võ M và bà Nguyễn Thị Th1 do ông Bùi Tấn Ba - Công chức Phòng Địa chính B1 phối hợp với UBND xã B lập ngày 16/3/2000; Sơ đồ hiện trạng ngày 10/9/2002 do Thanh tra Sở địa chính phối hợp cùng Phòng Địa chính - Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND xã B lập; Biên bản kiểm tra, đo đạc hiện trạng của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 29/6/2012. Hơn nữa, vào thời điểm đó gia đình ông Võ N2 không còn lối đi nào vào nhà ở của mình. Do vậy, việc giải quyết giữ nguyên hiện trạng đường đi là hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp công nhận đường đi thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị Th1 thì gia đình bà Th1 có thể sẽ rào chắn đường không cho gia đình ông N2 sử dụng, có thể xảy ra điểm nóng phức tạp. Các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Võ Đình L, bà Võ Thị T.

Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B1:

Quá trình xem xét, giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ M và bà Nguyễn Thị Th1 của UBND huyện B1 tại Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 là đảm bảo hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, UBND huyện B1, UBND xã B tổ chức rất nhiều buổi làm việc, gặp gỡ để nắm tình hình tư tưởng giữa các bên; tích cực phân tích, giải thích, động viên và hai bên cũng đi đến thống nhất, thỏa thuận chung trên biên bản hòa giải. Tuy nhiên, hai bên còn có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, thiếu thiện chí, thiếu tôn trọng cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương nên dẫn đến việc xác định ranh giới, mốc giới ngoài hiện trường bất thành.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H3:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông bà cố của ông Võ Văn H3 tên là Võ N1 và Lâm Thị H4 sinh hạ được 3 người con gồm Võ L1, Võ Nh, Võ M (ông Võ M là cha ông Võ N2, ông Võ N2 là cha ông Võ Văn H3). Sau đó, ông N1 có vợ hai, sinh được ông Võ C1. Trước năm 1973 trên mảnh đất tranh chấp tồn tại hai ngôi nhà: Nhà ông L1 ở phía Đông, nhà ông M ở phía Tây. Do chiến tranh tàn phá, hai ngôi nhà được làm nhiều lần (nhà ông L1 làm kiên cố năm 1975, nay đã được làm mới), nhà ông M làm kiên cố năm 1973, hiện vẫn đang sử dụng. Phần đất xây dựng của ông Võ M gồm 01 nhà dưới phía Tây xây dựng gắn kết với nhà trên từ năm

1973, đến năm 1976 bà Bùi Thị T2 (ông Võ P2) ở; 01 nhà trên xây gắn kết với nhà dưới nói trên. Ở giữa mảnh đất theo hướng đường đi ra sau từ Nam ra Bắc còn có nhà dưới và chuồng bò của ông Võ M.

Năm 1986 bà T2 ra ở riêng nên ông M và bà T2 thỏa thuận dỡ dọn nhà dưới của ông M ở cho bà T2 lấy vật liệu, còn nhà dưới bà T2 ở thì để lại cho ông Võ M (do 2 nhà xây liên kết). Năm 1993 thì dỡ dọn chuồng bò của ông Võ M. Sau giải phóng, gia đình ông Võ N2 đi vào nhà bằng hai con đường: Con đường chính đi qua vườn ông Võ Đ3, con đường phụ (chỉ đi bộ) đi theo hướng chéo của phần diện tích $114m^2$ qua nhà dưới của ông Võ M, qua sân trước nhà trên và đến đường liên xóm. Sau khi dỡ dọn chuồng bò xong thì con đường chính đi ra nhà ông Võ N2 là từ đường liên xóm đi qua chuồng bò và nhà dưới đã dỡ dọn và đi xéo qua phần diện tích $114m^2$. Năm 1998 gia đình hai bên thỏa thuận thống nhất trở thẳng đường đi phía sau nhà dưới đã dỡ dọn có chiều dài khoảng 8m và chiều ngang khoảng 3m và đi cho tới nay (không đi xéo qua phần diện tích $114m^2$ nữa). Sau khi thống nhất đường đi ra nhà ông Võ N2, kê khai đất theo Nghị định 64/NĐ-CP bà Th1 kê khai diện tích bà sử dụng như Quyết định 334/QĐ- UB. Việc tranh chấp bắt đầu từ đó đến nay. Cả 04 Quyết định gia đình ông đều không thống nhất, bởi lẽ:

Quyết định 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 của UBND huyện B1: Con đường đi ra nhà ông Võ N2 đi qua nền chuồng bò và nhà dưới của ông Võ M đã dỡ dọn và đoạn đường phía sau dài khoảng 8m rộng khoảng 3m do hai bên gia đình thỏa thuận năm 1998, nhưng UBND huyện B1 công nhận luôn cho gia đình bà Nguyễn Thị Th1 là không đúng.

Quyết định 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Lợi dụng Quyết định số 334/QĐ-UB gia đình bà Nguyễn Thị Th1 rào chắn làm cho gia đình ông phải trở đường đi sát đường đi cũ rộng khoảng 2m để đi, xác định diện tích nền nhà dưới và chuồng bò đã dỡ dọn không đúng thực tế.

Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Chưa xác định đúng diện tích đất nền nhà dưới và chuồng bò cũ đã dỡ dọn. Diện tích đoạn đường đi chung chưa đúng vị trí và kích thước.

Quyết định 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Đoạn đường đi từ trước ra sau chia làm 3 đoạn: Đoạn 1 và đoạn 2 đi qua chuồng bò và nhà dưới gia đình ông đã dỡ dọn nên gia đình ông trọn quyền sử dụng, không thể gọi là đường đi chung; Đoạn 3 thỏa thuận vào năm 1998, nay đoạn đường này vẫn đi như hiện trạng và là đường đi duy nhất ra nhà ông Võ N2 dài khoảng 8m rộng 3m.

Nguyện vọng của gia đình: về đường đi: Chia làm 3 đoạn. Đoạn 1 và 2 đi qua chuồng bò và nhà dưới gia đình đã dỡ dọn, gia đình ông trọn quyền sử dụng và

quyết định. Đoạn 3 thỏa thuận năm 1998, nay đoạn đường này vẫn đi như hiện trạng và là đường đi duy nhất ra nhà ông Võ N2 không thay đổi.

Về diện tích 114m²: Hiện nay tre đang phát triển vượt ra ngoài diện tích 114m², do tập tục xa xưa để lại, tre lo hương khói nhà thờ nên hai gia đình cần có sự thỏa thuận hoán đổi để các hộ sử dụng đất nguyên thửa, khỏi ảnh hưởng sau này.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị H2, anh Võ Đình Đ và anh Võ Đình Ph thống nhất như nội dung trình bày của ông Võ Đình L, bà Võ Thị T;

Ý kiến của anh Võ Văn Đ1, bà Phan Thị Đ2, ông Võ Thanh L2, bà Nguyễn Thị V, bà Võ Thị Kim Ng thống nhất như nội dung trình bày của ông Võ Văn H3;

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm .a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 38 Luật đất đai năm 1993; Điều 203, 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau đây của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T:

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Võ M, thôn P, xã B.

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh điều 2 khoản 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình L, bà Võ Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 05/7 và ngày 23/7/2020, người khởi kiện – ông Võ Đình L và bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông, Bà để hủy các Quyết định:

+ Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh điều 2 khoản 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi;

Vì các Quyết định nêu trên không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông, Bà.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên; Người bảo vệ quyền lợi cho Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Người khởi kiện, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ hai, người kháng cáo có mặt tại phiên tòa; Người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của ông Võ Đình L và bà Võ Thị Tương kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày

26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông, Bà để hủy các Quyết định:

+ Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Điều 2 khoản 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi thì thấy:

[2.1]. Nguồn gốc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 12 mà các bên đang tranh chấp là của ông Võ N1, khi còn sống đã cho các con là Võ L1, Võ M làm nhà ở và sử dụng vào mục đích khác nhưng không có giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất; quá trình sử dụng đất các bên không phân chia ranh giới, kê khai đăng ký chung. Do vậy, khi giải quyết phải xem xét quá trình diễn biến sử dụng đất của các bên và hiện trạng sử dụng đất đã ổn định. Trên cơ sở đó, trong quá trình xem xét, giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ M và bà Nguyễn Thị Th1, UBND huyện B1 đã ban hành Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 07/6/2000 công nhận 114m² đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Võ Thị Thanh là đảm bảo hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật; ông Võ Đình L cũng không khởi kiện Quyết định này.

[2.2]. Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực thi hành. Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện đã rút yêu cầu hủy Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định của Bản án sơ thẩm cũng đã đình chỉ xét xử sơ thẩm của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Điều 2 khoản 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhưng không có căn cứ gì khác nên kháng cáo của người khởi kiện về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch

UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì thấy:

Về cơ sở để công nhận đường đi chung tại Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019: Đất đường đi có nguồn gốc là một phần thửa đất tranh chấp, được hình thành trước khi xảy ra tranh chấp đất và được gia đình ông Võ Đình L thống nhất cho mở đường đi vào năm 1998 (ông L trình bày tại Biên bản làm việc ngày 03/9/2002 với Sở Địa chính). Hiện trạng đường đi còn được thể hiện qua các tài liệu: Sơ đồ đất tranh chấp giữa ông Võ M và bà Nguyễn Thị Th1 do ông Bùi Tấn Ba - Công chức Phòng Địa chính B1 phối hợp với UBND xã B lập ngày 16/3/2000; Sơ đồ hiện trạng ngày 10/9/2002 do Thanh tra Sở địa chính phối hợp cùng Phòng Địa chính - Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND xã B lập; Biên bản kiểm tra, đo đạc hiện trạng của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 29/6/2012; mặt khác vào thời điểm xảy ra tranh chấp thì gia đình ông Võ N2 không còn lối đi nào vào nhà ở của mình. Do vậy, việc giải quyết đường đi vào nhà ông Võ N2 là có căn cứ trên cơ sở đường đi đã được hình thành khi các bên cùng sử dụng thửa đất và được giải quyết tại Điều 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003. Để tránh việc tranh chấp phát sinh khi sử dụng đường đi vào nhà ông Võ N2 và để làm căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đang sử dụng đất, nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 để xác định cụ thể đường đi vào nhà ông Võ N2 theo sơ đồ của Bản đồ trích lục khu đất do Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường Quảng Ngãi trích đo ngày 9/5/2018, đồng thời cũng xác định đây là đường đi chung, các hộ gia đình không được xây dựng, rào chắn trên phần diện tích đường đi chung này là hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng cáo của Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T yêu cầu hủy các Quyết định:

- + Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi;

- + Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ pháp luật và đúng với thực tế sử dụng đất của ông L.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Võ Đình L và bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định nói trên nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Đình L và bà Võ Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điều 38 Luật đất đai năm 1993; Điều 203, 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau đây của ông Võ Đình L và bà Võ Thị T:

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 07/6/2000 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Võ M, thôn P, xã B.

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 1170/QĐ-CT ngày 08/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh điều 2 khoản 2 Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình L, bà Võ Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị Út ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Quyết định số 947/QĐ-CT ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Nguyễn Thị U ở thôn P, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Đình L, bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí chính phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006018 ngày 11/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến